TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. bà Trần Thị Chín;
2. ông Trần Đức Hòa;
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn".
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa:
- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày: 15/10/1989
Nơi đăng ký thường trú: thôn Đak X, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai
Nơi cư trú: ấp 3, xã Cẩm M, tỉnh Đồng Nai
- *Bị đơn*: anh Nguyễn Xuân N, sinh ngày: 13/5/1994
Địa chỉ: thôn Đak X, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Xuân N tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đak Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011, ký ngày 09/6/2011. Quá trình chung sống giữa chị và anh Nguyễn Xuân N mỗi người một tính cách không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn và nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra, anh Nguyễn Xuân N có sử dụng ma túy và chấp hành án phạt tù với thời hạn 03 năm. Sau thời gian anh Nguyễn Xuân N chấp hành xong hình phạt thì anh Nguyễn Xuân N thường xuyên rượu chè, kiến chuyện với chị, dùng vũ lực đánh đập gây thương tích và có lần còn dùng dao đe dọa chị. Sự việc này xảy ra nhiều lần, chị

cũng nhiều lần tha thứ cho anh Nguyễn Xuân N để cùng nuôi dạy con nhưng anh Nguyễn Xuân N vẫn không thay đổi. Chị lo sợ cho tính mạng, sức khỏe của chị nên chị làm đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Sau khi chị nộp đơn thì ngày 2/9/2025 anh Nguyễn Xuân N nghi ngờ ghen tuông vô cớ rồi chửi bới, đánh đập chị. Chị và anh Nguyễn Xuân N sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, anh Nguyễn Xuân N không thể thay đổi được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân N có 05 con chung tên Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày: 4/5/2009, Nguyễn Xuân L, sinh ngày: 15/8/2010, Nguyễn Xuân B, sinh ngày: 10/4/2012, Nguyễn Thái A, sinh ngày: 17/8/2016 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày: 30/12/2017.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 05 cháu.

Về vấn đề cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr về việc ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày: 4/5/2009, Nguyễn Xuân L, sinh ngày: 15/8/2010, Nguyễn Xuân B, sinh ngày: 10/4/2012, Nguyễn Thái A, sinh ngày: 17/8/2016 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày: 30/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Xuân N (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc Tr khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011, ký ngày 09/6/2011. Lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 07). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Xuân N là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr: chị Nguyễn Thị Ngọc Tr khai nhận quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Xuân N xảy ra mâu thuẫn do anh Nguyễn Xuân N có hành vi đánh đập, đe dọa xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr. Xét thấy, lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phù hợp với tài liệu chứng cứ chị đã cung cấp. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân N đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt xem như tự từ bỏ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".* Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr đối với anh Nguyễn Xuân N.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc Tr khai nhận anh chị có 05 con chung tên Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày: 4/5/2009, Nguyễn Xuân L, sinh ngày: 15/8/2010, Nguyễn Xuân B, sinh ngày: 10/4/2012, Nguyễn Thái A, sinh ngày: 17/8/2016 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày: 30/12/2017. Lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, 05 cháu chưa thành niên cần sự chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Xét thấy, thời gian anh Nguyễn Xuân N đi chấp hành hình phạt từ chị Nguyễn Thị Ngọc Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án, 05 cháu đều có nguyện vọng được mẹ (chị Nguyễn Thị Ngọc Tr) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân N đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nguyện vọng, ý kiến của anh Nguyễn Xuân N. Do đó, để ổn định môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện, ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, giao cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày: 4/5/2009, Nguyễn Xuân L, sinh ngày: 15/8/2010, Nguyễn Xuân B, sinh ngày: 10/4/2012, Nguyễn Thái A, sinh ngày: 17/8/2016 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày: 30/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr. Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011, ký ngày 09/6/2011 của Uỷ ban nhân dân xã Đak Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày: 4/5/2009, Nguyễn Xuân L, sinh ngày: 15/8/2010, Nguyễn Xuân B, sinh ngày: 10/4/2012, Nguyễn Thái A, sinh ngày: 17/8/2016 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày: 30/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0029853 lập ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai *(đã nộp xong)*.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh